

Bản án số: 148/2019/DS-PT

Ngày: 06-9-2019

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Ông Triệu Quốc Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án L dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2017/TLPT-DS, ngày 01 tháng 11
năm 2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2017/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2017
của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 170/2019/QĐ-PT,
ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Cụ Lê Thị A, sinh năm 1930. Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Yi,
huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. (chết ngày 16/3/2010).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị A gồm:

1.1 Ông Trần Hữu B, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Số 61, ấp 13, xã Long
Hữu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

1.2 Bà Trần Ngọc C, sinh năm 1955. Địa chỉ cư trú: Số 261, đường Lý Thường Kiệt (lộ Tập Đoàn), phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền F (Vắng mặt).

1.3 Bà Trần Thu Hồng, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

1.4 Bà Trần Thu R, sinh năm 1957 (Chết ngày 01/02/2019).

1.5. Bà Trần Thu F, sinh năm 1961 (Có mặt).

1.6 Ông Trần Thanh E, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

1.7 Bà Trần Thu D, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của Trần Hữu B, Trần Ngọc C, Trần Thu D, Trần Thanh E có bà Trần Thu F, sinh năm 1961. Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Là người đại diện theo ủy quyền của Trần Hữu B, Trần Ngọc C, Trần Thu D, Trần Thanh E. (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2017, 29/01/2018) (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Cụ Nguyễn Văn G, sinh năm 1931. Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long (chết ngày 03/01/2014).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn cụ Nguyễn Văn G gồm:

2.1.1 Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: Ấp X1, xã Y2, huyện X, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

2.1.2 Ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

2.1.3 Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1969 (Vắng mặt) .

2.1.4 Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 (Có mặt).

2.1.5 Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972(Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị G gồm ông Nguyễn Văn I, ông Nguyễn Thành K, ông Nguyễn Văn M có ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 và Trần Như N, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2017) (Có mặt).

2.2 Cụ Lê Thị O, sinh năm 1933. Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Lê Thị O có bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/01/2018) (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Lê Thị O có ông Lê Văn N1 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Cụ Lê Thị Q, sinh năm 1934 (chết ngày 11/4/2015).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Lê Thị Q gồm:

3.1.1. Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: Ấp X1, xã Y2, huyện X, tỉnh Vĩnh Long.

3.1.2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972.

3.1.3. Ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1965.

3.1.4. Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Q gồm bà Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Văn I, ông Nguyễn Thành K, ông Nguyễn Văn M có ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 và bà Trần Như N, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long (Theo Giấy ủy quyền ngày 14/6/2017).

3.1.5. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã

Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Bà Trần Thu R, sinh năm 1957. Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968.

3.4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973

3.5. Bà Trần Thị A1, sinh năm 1953.

3.6. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967.

3.7. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M có Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 và bà Trần Như N, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long (Theo Giấy ủy quyền ngày 14/6/2017).

Do có kháng cáo của: Bà Trần Thu F – Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Lê Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2008 của cụ Lê Thị A và lời trình bày của bà Trần Thu F người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cụ Lê Thị A cũng là người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị A: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu D trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Nguồn gốc thửa đất 991 – diện tích 1.150m² là cổ Phan Thị U đứng tên (bà nội bà F), đã tách một phần cho cụ Trần Kim V diện tích 695m², phần còn lại bà A sử dụng. Vào ngày 22/3/2006 cụ A có kê khai đăng ký đất diện tích 456m² loại đất TQ theo biên lai Số N: 034951. Trong quá trình sử dụng cụ A cho rằng cụ G, bà O, bà T1 lấn ranh nên phát sinh tranh chấp. Do đó phần đất đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 16/3/2010 cụ A chết, Bà Trần Thu F đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị A yêu cầu:*

+ Các con cụ G gồm: Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn I, Nguyễn Thành K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M trả lại phần diện tích theo thực đo 39,2m² đã lấn chiếm.

+ Cụ Lê Thị O trả lại diện tích thực đo 97,3m² đã lấn chiếm.

Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

** Theo lời bày của bị đơn cụ Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn M đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Văn G và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Văn G và cụ Lê Thị Q gồm: bà Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Văn I, ông Nguyễn Thành K, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn M. Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn M cũng là người có quyền lợi liên quan trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Năm 1968 cụ G sử dụng phần đất diện tích 636m² đất TQ đến năm 1995 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.*

Ông Linh đại diện cụ G đồng ý xác định lại ranh đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1995.

Ngày 03/01/2014 cụ G chết. Tại tờ tự khai ngày 09/9/2014 của: những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Văn G gồm: bà Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Văn I, ông Nguyễn Thành K, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn M: Thừa đất 992 diện tích 636m² do cha ông Nguyễn Văn G đứng tên. Đến năm 2010 cụ G cắt cho Nguyễn Văn L tiến hành đo đạc có chừa ra phần đường đi là 39,2m². UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Văn G thừa 1620 diện tích 415,6m² và G Nguyễn Văn L thừa 1621 diện tích 185,5m², loại đất TQ. Như vậy, cộng hai thửa đất lại có 601,1m² còn thiếu so với QSDĐ cũ là 34,9m², nên phần tranh chấp giữa hai bên 39,2m² là thuộc thửa đất của cụ G đứng tên.

Nay bà Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Văn I, ông Nguyễn Thành K, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn M không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cụ Lê Thị O trình bày: Đất của cụ O gồm thửa 993 và 994 nằm giáp với đất của bà F. Một phía giáp với hàng dừa, xoài đã được đo đạc, một phần giáp với nữa con mương. Cụ O không thống nhất lời trình bày của bà F, không đồng ý trả đất hay cây trồng trên thửa đất này.*

Phần từ ngoài lộ đi vô nằm cặp ranh với đất cụ G diện tích 39,2m² ngày trước là cụ G chừa đường cho cụ O để làm đường đi. Con đường này đã lâu đời giáp ranh giữa

mẹ cụ là Huỳnh Thị Diệu và cố Phan Thị U là mẹ chồng cụ A. Sau này mẹ cụ để lại phần đất cho con gái cụ và cụ G đã đăng ký có chừa đường đi lại cho chị vợ là cụ O. Phần đất cụ A đòi là không phải đất của cụ A, cụ A là dâu nên có cho cái nền phía sau đất để cất nhà ở có sự chứng kiến của tập đoàn địa chính xã và em chồng bà. Cụ O không có yêu cầu gì phần mở đường đi ngay phần tranh chấp ranh giữa cụ A và cụ G để yêu cầu sau. Cụ O không đồng ý bất cứ yêu cầu gì từ phía bà F, không có yêu cầu mở đường đi vì đường đi này cụ G dành cho cụ O chứ không phải đất của bà F.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2016 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị A1 trình bày:* Bà là dâu của cụ Lê Thị O đang tranh chấp ranh giữa thửa 993 và thửa đất 991 diện tích 33,6m². Trên đó có 01 nhà vệ sinh của bà cất diện tích 0,28m². Bà A1 chỉ cất ở tạm trên đất của cụ O nếu sau này đất tranh chấp thuộc về cụ A hoặc cụ A có nhu cầu thì bà tự nguyện tháo dỡ nhà vệ sinh cất trên đất. Bà A1 xin vắng mặt các phiên hòa giải và phiên tòa.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2017/DS-ST ngày 16/6/2017 của Tòa án L dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:* Căn cứ Điều 144, 147, 150, 155, 157, 158, 163, 165, 166, 266, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 265, 688, 733 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 50, 105 của Luật đất đai năm 2003; Điều 3 và 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 7 của Nghị định 70/CP, ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 3, 13, 24 và 27 của Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị A có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu F và bà Trần Thu D.

2. Công nhận phần diện tích 7,8m² loại đất CLN thuộc quyền sử dụng đất thửa 991 của cụ Lê Thị A có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu F và bà Trần Thu D tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc: 4,A,23 (sơ đồ kèm theo) tứ cận gồm:

- + Hướng Bắc giáp đường tại mốc 4;
- + Hướng Nam giáp thửa 991- 4 từ mốc A đến mốc 23 dài 0,45m;
- + Hướng Đông giáp thửa 991-2 từ mốc 4 đến 23 dài 34,86m;
- + Hướng Tây giáp thửa 1620-2 từ mốc 4 đến A dài 34,85m;

3. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của cụ Nguyễn Văn G gồm: bà Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Văn I, ông Nguyễn Thành K, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm trả lại những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của cụ Lê Thị A gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu F và bà Trần Thu D phần diện tích 7,8m² loại đất CLN nêu trên.

4. Công nhận phần diện tích 31,3m² loại đất CLN thuộc quyền sử dụng đất thửa 1620 của G Nguyễn Văn G có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng gồm: bà Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Văn I, ông Nguyễn Thành K, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn M tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc: 4,5,24,A (sơ đồ kèm theo) tứ cận gồm:

- + Hướng Bắc giáp đường từ mốc 4 mốc 5 dài 0,9m;
- + Hướng Nam giáp thửa 993-2 từ mốc A đến mốc 24 dài 0,9m;
- + Hướng Đông giáp thửa 991-1 từ mốc 4 đến A dài 34,85m;
- + Hướng Tây giáp thửa 1620-1 từ mốc 5 đến 24 dài 34,92m;

5. Công nhận phần diện tích 16m² loại đất CLN thuộc quyền sử dụng đất thửa 991 của cụ Lê Thị A có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu F và bà Trần Thu D tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc: A,23,22,21,D,C,B (sơ đồ kèm theo) tứ cận gồm:

- + Hướng Bắc giáp thửa 991-1 từ mốc A đến 23 dài 0,45m;
- + Hướng Nam giáp thửa 991-5 từ mốc 21 đến mốc D dài 1,51m;
- + Hướng Đông giáp thửa 991-2 từ mốc 23 đến 22 dài 10,15m và từ mốc 22 đến 21 dài 5,84m;
- + Hướng Tây giáp thửa 993-2 từ mốc A đến B dài 6,91m; từ mốc B đến C dài 3,40m và từ mốc C đến D dài 5,53m;

6. Buộc cụ Lê Thị O có trách nhiệm trả lại những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của cụ Lê Thị A gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu F và bà Trần Thu D phần diện tích 16m² loại đất CLN nêu trên.

7. Công nhận phần diện tích 31,9m² loại đất CLN thuộc quyền sử dụng đất thửa 991 của cụ Lê Thị A có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà

Trần Thu F và bà Trần Thu D tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc: 21,D,E,12 (sơ đồ kèm theo) tứ cận gồm:

- + Hướng Bắc giáp thửa 991-4 từ mốc 21 đến D dài 1,51m;
- + Hướng Nam giáp rạch từ mốc E đến mốc 12 dài 2,11m;
- + Hướng Đông giáp thửa 991-2 từ mốc 21 đến 12 dài 17,63m;
- + Hướng Tây giáp thửa 994-2 từ mốc D đến E dài 17,59m;

8. Buộc cụ Lê Thị O có trách nhiệm trả lại những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị A gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu F và bà Trần Thu D phần diện tích 31,9m² loại đất CLN nêu trên.

9. Công nhận phần diện tích 17,6m² loại đất CLN thuộc quyền sử dụng đất thửa 993 của G cụ Lê Thị O tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc: 24,A,B,C,D,26,25 (sơ đồ kèm theo) tứ cận gồm:

- + Hướng Bắc giáp thửa 1620-2 từ mốc 24 đến A dài 0,9m;
- + Hướng Nam giáp thửa 994-2 từ mốc D đến mốc 26 dài 1,51m;
- + Hướng Đông giáp thửa 991-4 từ mốc A đến B dài 6,91m; từ mốc B đến C dài 3,4m và từ mốc C đến D dài 5,53m
- + Hướng Tây giáp thửa 993-1 từ mốc 24 đến 25 dài 7,1m và từ mốc 25 đến mốc 26 dài 8,76m;

10. Công nhận phần diện tích 31,8m² loại đất NDT thuộc quyền sử dụng đất thửa 994 của G cụ Lê Thị O tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc: 26,D,E,11 (sơ đồ kèm theo) tứ cận gồm:

- + Hướng Bắc giáp thửa 993-2 từ mốc 26 đến D dài 1,51m;
- + Hướng Nam giáp rạch từ mốc E đến mốc 11 dài 2,11m;
- + Hướng Đông giáp thửa 991-5 từ mốc D đến E dài 17,59m;
- + Hướng Tây giáp thửa 994 -1 từ mốc 26 đến 11 dài 17,56m.

Các đương sự phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định khảo sát đất, định giá tài sản; về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26/6/2017 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Lê Thị A kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn G trả diện tích 39,2m² và bà Lê Thị O trả lại đất

diện tích 97,3m² thuộc thửa 991 do bà Lê Thị A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị A.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn có bà Trần Thu F giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông G phải trả diện tích 39,3m², bà O phải trả diện tích 97,3m² cho bà A.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Lê Thị O có bà Nguyễn Thị P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà O là ông Lê Văn Nhẫn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà F. Công nhận phần diện tích tranh chấp cho bà O.

Ông Nguyễn Văn L là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Văn G đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà F, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát L dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ nguyên đơn bà Trần Thu F; Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà F, sửa án sơ thẩm: Công nhận phần diện tích 39,2m² đang tranh chấp với cụ G thuộc quyền sử dụng của những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ A (kèm theo trích đo bản đồ địa chính).

Công nhận phần diện tích 36,1 m² gồm các mốc 22,23,24,25,14,c,b,24,22 thuộc quyền sử dụng của cụ A cho những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ A (kèm theo trích đo bản đồ địa chính).

Công nhận phần diện tích 86,7m² gồm các mốc 22,24,b,c,15,26,27,22 thuộc quyền sử dụng đất của bà O (kèm theo trích đo bản đồ địa chính).

Ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà A có bà Trần Thu F: Đồng ý để phần diện tích tranh chấp 39,2m² làm lối đi cho gia đình bà O sử dụng suốt đời.

Án phí: Do sửa án nên án phí sơ thẩm phải xác định lại. Bà F không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Gi đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 26/6/2017 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn có bà Trần Thu F kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của bà Trần Thu F được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 01/02/2019 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị A là bà Trần Thu R chết, Tòa án yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thu R cung cấp bản khai ý kiến đối với tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) giữa nguyên đơn Lê Thị A với bị đơn Nguyễn Văn G, Lê Thị O nhưng các đương sự không có ý kiến cũng nhưng không có cung cấp bản khai ý kiến cho Tòa án.

[2] Về nội dung: Trong giai đoạn phúc thẩm người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ G ông L, bà N có yêu cầu khảo sát đo đạc lại phần đất tranh chấp. Nhưng theo trích đo đạc ngày 26/6/2017 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Z thể hiện rõ và phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên lấy kết quả đo đạc của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Z để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Xét kháng cáo của bà Trần Thu F về việc yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông G phải trả phần đất lấn chiếm là 39,2 m² hiện do ông G đứng tên tại thửa 1620, yêu cầu bà O phải trả phần đất lấn chiếm là 33,6m² tại thửa 993 và 63,7m² tại thửa 994 do bà O đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A.

Gi đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc thửa đất 991, diện tích 1.150m², loại đất ONT- CLN , tọa lạc ấp Phú Long A, xã Phú Quới, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long là của cụ Phan Thị U chết để lại. Sau khi cụ U chết, thửa đất chia thừa kế thành hai phần:

Theo Quyết định chấp thuận số: 04/1999/CT-UBND của Ủy ban L dân huyện Z ngày 04/02/1999 bà Lê Thị A được hưởng thừa kế diện tích 436m² của bà Phan Thị U chết để lại trong phần diện tích 1.150m².

Theo Quyết định chấp thuận số: 05/1999/CT-UBND của Ủy ban L dân huyện Z ngày 04/02/1999 bà Trần Kim V được hưởng thừa kế diện tích 714m² của bà Phan Thị U chết để lại trong phần diện tích 1.150m². Hiện đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất, phần đất có diện tích như sau:

Thửa 991 của cụ A có diện tích $447,8\text{m}^2$, trong đó có $39,2\text{m}^2$ tranh chấp với cụ G; $97,3\text{m}^2$ tranh chấp với bà O; 6m^2 tranh chấp với bà V.

Thửa 1620 của cụ G có diện tích $526,1\text{m}^2$ trong đó $39,2\text{m}^2$ tranh chấp với cụ A.

Thửa 993 của bà O có diện tích $274,3\text{m}^2$ trong đó có $33,6\text{m}^2$ tranh chấp với cụ A.

Thửa 994 của bà O có diện tích $386,9\text{m}^2$ trong đó có $63,7\text{m}^2$ tranh chấp với cụ A.

Thửa 1318 của bà V có diện tích $799,6\text{m}^2$ trong đó có 6m^2 tranh chấp với cụ A.

Tại Công văn số: 107/TNMT, ngày 10/9/2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Z xác định các phần ranh chấp trên thuộc thửa 991 của bà A.

Ngày 23/9/2013 giữa bà V và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của cụ A thỏa thuận với nhau và rút đơn khởi kiện đối với bà V. Tòa án L dân huyện Z ra Quyết định đình chỉ số: 79/2013/QĐST-DS.

Tổng diện tích thửa 991 của cụ U để lại 1.150m^2 . Tính theo kết quả đo đạc:

Phần đất cụ A hiện đang sử dụng không tranh chấp diện tích $305,3\text{m}^2$.

Phần bà V sử dụng không tranh chấp diện tích $793,6\text{m}^2$.

Phần diện tích 6m^2 của cụ A mà bà V và cụ A đang tranh chấp mà hai bên thỏa thuận xong.

Tổng cộng có diện tích $1.104,9\text{m}^2$ nên còn thiếu $45,1\text{m}^2$.

Do đó theo yêu cầu khởi kiện cụ A là có cơ sở chấp nhận một phần. Cụ thể:

Phần tranh chấp diện tích $39,2\text{m}^2$ với cụ G tách làm 02 phần: $7,8$ thuộc thửa 991 của cụ A và $31,3\text{m}^2$ thuộc thửa 1620 của cụ G.

Phần tranh chấp ranh với bà O có một phần đất liền do bà O bồi đắp, trồng cây và có nhà tắm của bà A1 (dâu bà O) nên cắt đều cho hai bên như sau:

Phần tranh chấp bà O diện tích $33,6\text{m}^2$ chia hai phần: 16m^2 thuộc thửa 991 của cụ A và $17,6\text{m}^2$ thuộc thửa 993 của bà O.

Phần tranh chấp với bà O diện tích $63,7\text{m}^2$ chia hai phần: $31,9\text{m}^2$ thuộc thửa 991 của bà A và $31,8\text{m}^2$ thửa thửa 994 của bà O.

Như vậy tổng diện tích thửa 991: $793,6\text{m}^2 + 305,3\text{m}^2 + 6\text{m}^2 + 16\text{m}^2 + 31,9\text{m}^2 = 1.152,8\text{m}^2$.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thu R khi tiến hành khảo sát đo đạc và định giá cây trồng thì nhà bà R không tồn tại trên đất nên không xem xét.

Từ những phân tích trên án sơ thẩm xử là có căn cứ chấp nhận nên không có căn cứ chấp L kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn có bà Trần Thu F làm đại diện.

[3] Về chi phí khảo sát, định giá tài sản: Cấp sơ thẩm bà F tự nguyện nộp toàn bộ chi phí: 2.400.000đồng (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) đã nộp xong. Tại cấp phúc thẩm: Do ông L yêu cầu nên ông L phải chịu 8.040.000đồng (Tám triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng). Ông L đã nộp xong.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà F phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm về chi phí khảo sát đất và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Lê Thị A có bà Trần Thu F. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2017/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Tòa án L dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 265, 688, 733 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 50, 105 của Luật đất đai năm 2003; Điều 3 và 100 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị A có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu F và bà Trần Thu D.

2. Công nhận phần diện tích 7,8m² loại đất CLN thuộc quyền sử dụng đất thừa 991 của cụ Lê Thị A có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: ông Trần

Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu F và bà Trần Thu D tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc: 4,A,23 (sơ đồ kèm theo) tứ cận gồm:

- + Hướng Bắc giáp đường tại mốc 4;
- + Hướng Nam giáp thửa 991- 4 từ mốc A đến mốc 23 dài 0,45m;
- + Hướng Đông giáp thửa 991-2 từ mốc 4 đến 23 dài 34,86m;
- + Hướng Tây giáp thửa 1620-2 từ mốc 4 đến A dài 34,85m;

3. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của cụ Nguyễn Văn G gồm: bà Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Văn I, ông Nguyễn Thành K, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm trả lại những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của cụ Lê Thị A gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu F và bà Trần Thu D phần diện tích $7,8m^2$ loại đất CLN nêu trên.

4. Công nhận phần diện tích $31,3m^2$ loại đất CLN thuộc quyền sử dụng đất thửa 1620 của G Nguyễn Văn G có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng gồm: bà Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Văn I, ông Nguyễn Thành K, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn M tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc: 4,5,24,A (sơ đồ kèm theo) tứ cận gồm:

- + Hướng Bắc giáp đường từ mốc 4 mốc 5 dài 0,9m;
- + Hướng Nam giáp thửa 993-2 từ mốc A đến mốc 24 dài 0,9m;
- + Hướng Đông giáp thửa 991-1 từ mốc 4 đến A dài 34,85m;
- + Hướng Tây giáp thửa 1620-1 từ mốc 5 đến 24 dài 34,92m;

5. Công nhận phần diện tích $16m^2$ loại đất CLN thuộc quyền sử dụng đất thửa 991 của cụ Lê Thị A có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu F và bà Trần Thu D tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc: A,23,22,21,D,C,B (sơ đồ kèm theo) tứ cận gồm:

- + Hướng Bắc giáp thửa 991-1 từ mốc A đến 23 dài 0,45m;
- + Hướng Nam giáp thửa 991-5 từ mốc 21 đến mốc D dài 1,51m;
- + Hướng Đông giáp thửa 991-2 từ mốc 23 đến 22 dài 10,15m và từ mốc 22 đến 21 dài 5,84m;
- + Hướng Tây giáp thửa 993-2 từ mốc A đến B dài 6,91m; từ mốc B đến C dài 3,40m và từ mốc C đến D dài 5,53m;

6. Buộc cụ Lê Thị O có trách nhiệm trả lại những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị A gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu F và bà Trần Thu D phần diện tích 16m² loại đất CLN nêu trên.

7. Công nhận phần diện tích 31,9m² loại đất CLN thuộc quyền sử dụng đất thừa 991 của cụ Lê Thị A có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu F và bà Trần Thu D tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc: 21,D,E,12 (sơ đồ kèm theo) tứ cận gồm:

- + Hướng Bắc giáp thửa 991-4 từ mốc 21 đến D dài 1,51m;
- + Hướng Nam giáp rạch từ mốc E đến mốc 12 dài 2,11m;
- + Hướng Đông giáp thửa 991-2 từ mốc 21 đến 12 dài 17,63m;
- + Hướng Tây giáp thửa 994-2 từ mốc D đến E dài 17,59m;

8. Buộc cụ Lê Thị O có trách nhiệm trả lại những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị A gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Ngọc C, bà Trần Thu Hồng, bà Trần Thu R, ông Trần Thanh E, bà Trần Thu F và bà Trần Thu D phần diện tích 31,9m² loại đất CLN nêu trên.

9. Công nhận phần diện tích 17,6m² loại đất CLN thuộc quyền sử dụng đất thừa 993 của G cụ Lê Thị O tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc: 24,A,B,C,D,26,25 (sơ đồ kèm theo) tứ cận gồm:

- + Hướng Bắc giáp thửa 1620-2 từ mốc 24 đến A dài 0,9m;
- + Hướng Nam giáp thửa 994-2 từ mốc D đến mốc 26 dài 1,51m;
- + Hướng Đông giáp thửa 991-4 từ mốc A đến B dài 6,91m; từ mốc B đến C dài 3,4m và từ mốc C đến D dài 5,53m
- + Hướng Tây giáp thửa 993-1 từ mốc 24 đến 25 dài 7,1m và từ mốc 25 đến mốc 26 dài 8,76m;

10. Công nhận phần diện tích 31,8m² loại đất NDT thuộc quyền sử dụng đất thừa 994 của G cụ Lê Thị O tọa lạc Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc: 26,D,E,11 (sơ đồ kèm theo) tứ cận gồm:

- + Hướng Bắc giáp thửa 993-2 từ mốc 26 đến D dài 1,51m;
- + Hướng Nam giáp rạch từ mốc E đến mốc 11 dài 2,11m;
- + Hướng Đông giáp thửa 991-5 từ mốc D đến E dài 17,59m;
- + Hướng Tây giáp thửa 994 -1 từ mốc 26 đến 11 dài 17,56m.

Các đương sự phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

Về chi phí khảo sát, định giá tài sản: Cấp sơ thẩm bà F tự nguyện nộp toàn bộ chi phí: 2.400.000đồng (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) đã nộp xong. Cấp phúc thẩm: Do ông L yêu cầu nên ông L phải chịu 8.040.000đồng (Tám triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng). Ông L đã nộp xong.

Án phí phúc thẩm: Bà F phải chịu 300.000đồng nhưng được khấu trừ từ 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà F đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N⁰ 0000801, ngày 05/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Z.

Các quyết định khác của án sơ thẩm về chi phí khảo sát đất và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND LH; 01;
- Chi cục THADS LH ; 01;
- Đ/s: 18;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. GI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tu

